

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

Bản án số: 108/2021/ DS-ST

Ngày 14 tháng 9 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảng, Bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố B

Đại diện Viện kiểm sát thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trí -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B
Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2021/TLST- DS
ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*” theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm
2021, quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐST-DS ngày 27/8/2021 giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị M, sinh năm: 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 12, đường Phan Thúc Trục, khối 19, phường Đông
Vĩnh, thành phố V, tỉnh NA

Người đại diện theo ủy Q: Ông Hoàng Quang Q, sinh năm: 1973 (xn vắng
mặt)

Địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 267, đường Phùng Khoang, tổ dân phố số 5, phường
Trung Văn, quận NTL, thành phố HN

Theo hợp đồng ủy Q ghi ngày 15/6/2021 giữa bà M và ông Q.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần LMTDVN

Địa chỉ: N24, khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ,
phường Dĩnh kế, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C - chức vụ: Tổng giám
đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/3/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ghi ngày 15/5/2021, ghi ngày 20/6/2021, bản tự khai do nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/4/2014 bà và Công ty cổ phần LMTDVN có địa chỉ: N24, khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ, phường Dĩnh kế, thành phố B, tỉnh B, do đại diện là ông Nguyễn Văn C - chức vụ tổng giám đốc đã ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 072925/HĐ-LMTD, theo hợp đồng bà là cộng tác viên của công ty. Sau khi ký hợp đồng, bà có mua của công ty 27 mã sản phẩm cao hồng sâm tại thị trường NA, mỗi sản phẩm cao hồng sâm có giá trị là 11.880.000 đồng, 9.888.000 đồng và 8.450.000 đồng. Trong đó có 02 mã x 11.880.000 đồng; 01 mã 9.888.000 đồng; 24 mã 8.450.000 đồng. Tổng số tiền bà đã mua của công ty là 2.479.190.000 đồng. Sau khi mua thì công ty đưa cho bà 3 phiếu đặt hàng và 24 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho. Sau đó bà lấy 14 mã sản phẩm cao hồng sâm thì công ty thu lại của bà 14 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho vì theo chính sách của công ty mỗi cộng tác viên hoặc người mua hàng khi lấy sản phẩm thì đều phải nộp lại hóa đơn kiêm phiếu xuất kho và phiếu đặt hàng tương đương với số sản phẩm cao hồng sâm đã lấy). Thời gian sau bà đến công ty lấy sản phẩm cao hồng sâm thì công ty nói không có hàng, bà yêu cầu trả tiền nhưng công ty không trả. Hiện nay công ty còn giữ lại của bà số hàng hóa như sau: 02 phiếu đặt hàng x 11.880.000 đồng = 23.760.000 đồng; 01 phiếu đặt hàng x 9.888.000 đồng; 10 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho x 8.450.000 đồng. Tổng số tiền hàng còn giữ là 118.148.000 đồng. Nay bà yêu cầu Công ty cổ phần liên minh tiêu dùng phải trả cho bà số tiền hàng là 118.148.000 (một trăm mười tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng, bà không yêu cầu trả lãi. Tại đơn giải trình ngày 13/8/2021, bà M trình bày theo đơn khởi kiện ban đầu bà chỉ nộp hợp đồng số 072925/HĐ-LMTD, sau khi xem lại tài liệu, bà thấy hợp đồng ghi trong phiếu đặt hàng có phiếu không trùng hợp, bà nộp bổ sung thêm hợp đồng số 0000177/HĐ-LMTD để xem xét. Trong số những phiếu đặt hàng có ba phiếu không ghi theo hợp đồng nào là do công ty quên. Bà M đề nghị Tòa án cho vắng mặt khi xét xử. Ông Hoàng Quang Q là người đại diện theo ủy Q của bà Vũ Thị M cũng có đơn đề nghị vắng mặt khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn Công ty cổ phần LMTDVN có địa chỉ đăng ký theo giấy phép đăng ký kinh doanh tại N24, khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ, phường Dĩnh kế, thành phố B, tỉnh B, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn C - chức vụ: Tổng giám đốc. Tòa án đã thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập đến làm việc, song qua kết quả xác minh tại địa phương nơi công ty có trụ sở đăng ký thì công ty vẫn đăng ký địa chỉ trụ sở làm việc tại địa chỉ trên, nhưng đến nay không có người làm việc. Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư tỉnh B tại công văn số 13/CV-ĐKKD ngày 28/01/2021 xác định “Cho đến thời điểm hiện nay tình trạng công ty trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc Gia là “đang hoạt động”. Công ty chưa có hồ sơ giải thể hay phá sản nộp ở cơ quan đăng ký kinh doanh. Hiện nay công ty cũng đang bị ngăn chặn không cho thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh theo yêu cầu của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B tại công văn số

1406/CV - THADS ngày 09/12/2019”. Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có trụ sở của bị đơn, tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có lời khai, văn bản nêu ý kiến quan điểm hay giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì gửi Tòa án.

Tòa án đã thu thập các tài liệu chứng cứ tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư tỉnh B và được cung cấp các tài liệu, chứng cứ là bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu và các lần thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 12, công văn thông báo tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện của bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa, HĐXX xét xử vụ án theo quy định tại điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Tòa án căn cứ điều 274, Điều 275, Điều 280, 504, 510, 512 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần LMTDVN trả cho bà Vũ Thị M số tiền tương ứng với 13 hóa đơn ghi mã sản phẩm cao hồng sâm trị giá 118.148.000 (một trăm mười tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng. Về tiền lãi không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của của bà Vũ Thị Mùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ Q, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến làm việc. Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy Q có đơn xin vắng mặt, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 27/8/2021 và phiên tòa lần thứ hai ngày 14/9/2021, Tòa án căn cứ quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3]. Về quan hệ pháp luật, thẩm Q giải quyết vụ án: Giữa công ty cổ phần LMTDVN và bà Vũ Thị M đã ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 072925/HĐ-LMTD ngày 08/10/2014, hợp đồng hợp tác số 0000177/HĐ-LMTD ngày 04/12/2015. Trên cơ sở của hợp đồng, bà M đã nộp tiền để đặt mua các mã hàng cao hồng sâm... nhưng chỉ giao được một số mã hàng, còn lại một số mã hàng đã đặt mua, nộp tiền nhưng đến nay công ty vẫn chưa giao đủ số hàng đã mua. Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty cổ phần LMTDVN trả lại số tiền đã mua hàng, đây là quan hệ pháp luật giữa một cá nhân không có đăng ký kinh doanh với doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp, do đó HĐXX xác định đây là tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng theo quy định của Bộ luật dân sự. Bị đơn có trụ sở tại thành phố B, nên vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B theo qui định tại khoản 3 điều 26; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung tranh chấp:

Lời khai của nguyên đơn xác định đã mua của công ty Cổ phần LMTDVN 27 mã sản phẩm cao hồng sâm tại thị trường NA, trong đó có 02 mã x 11.880.000 đồng; 01 mã 9.888.000 đồng; 24 mã 8.450.000 đồng. Tổng số tiền bà đã mua của công ty là 2.479.190.000 đồng. Sau khi mua thì công ty đưa cho bà 3 phiếu đặt hàng và 24 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho. Sau đó bà lấy 14 mã sản phẩm cao hồng sâm thì công ty thu lại của bà 14 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho, sau đó công ty nói không có hàng để trả, hiện công ty còn giữ lại của bà số hàng hóa gồm: 02 phiếu đặt hàng x 11.880.000 đồng = 23.760.000 đồng; 01 phiếu đặt hàng x 9.888.000 đồng; 10 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho x 8.450.000 đồng. Tổng số tiền hàng còn giữ là 118.148.000 đồng.

Xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho thấy:

1. Tại các hóa đơn có số seri 179641/2014; 179643/2014; 179640/2014; 179642/2014; 179644/2014; 179645/2014; 179646/2014; 179647/2014; 179648/2014; 179649/2014 cùng ghi ngày 04/02/2014 và theo hợp đồng số 0000177, với mỗi hóa đơn là một mã hàng hóa cao sâm, trị giá 8.450.000 đồng/01 mã, tổng 10 hóa đơn, trị giá là 84.500.000 đồng.

2. Tại hóa đơn số seri 0008757/2015 ghi ngày 13/4/2015 nhưng không ghi hợp đồng, mặt hàng cao sâm 01 hộp trị giá 9.888.000 đồng.

3. Tại hóa đơn số seri 0043531/2015 và 0043532/2015 cùng ghi ngày 28/10/2015, không ghi hợp đồng, mặt hàng là cao sâm, mỗi hộp trị giá 11.880.000 đồng. Tổng trị giá là 23.760.000 đồng.

Các hóa đơn trên đều ghi tên khách hàng là bà Vũ Thị M. Trong đó có ghi liên 1: lưu công ty; Liên 2: Lưu kho; Liên 3; Khách hàng và ghi khách nhận hàng gửi, lưu kho. Trên thực tế cả liên 2, liên 3 hiện đều do khách hàng là bà M đang giữ, nay bà M đều đã nộp cho Tòa án. Như vậy, căn cứ lời khai của bà M cùng tài liệu, chứng cứ do bà M giao nộp, có cơ sở để xác định bà M chưa lấy số hàng trên. Bà M còn giữ lại 13 hóa đơn là 13 mã hàng cao hồng sâm, với tổng số tiền

hàng đã nộp là 118.148.000 đồng, xác định công ty cổ phần liên minh tiêu dùng chưa trả cho bà Vũ Thị M. Bị đơn là Công ty cổ phần LMTDVN không có văn bản hay tài liệu, chứng cứ nào khác phản bác ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn. Tại quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty cổ phần LMTDVN thì Công ty cổ phần LMTDVN đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP. Bà Vũ Thị M yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền tương ứng với số sản phẩm đã đặt mua chưa được trả hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 điều 9 thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 quy định chi tiết một số điều của nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 điều 504, điều 510, điều 512 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M.

Buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả bà Vũ Thị M số tiền 118.148.000 (một trăm mười tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

- Về án phí: Bị đơn Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu 5.907.400 (Năm triệu chín trăm linh bảy nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Vũ Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.953.000 (hai triệu chín trăm năm mươi ba nghìn) đồng tại biên lai thu số AA/2018/0002511 ngày 28/6/2021 của chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- TAND, VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

